TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21/12/ 2017
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Trịnh Thị Hà
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lê Thanh
  Bà Hoàng Thị Thúy

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2017/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về ''*Tranh chấp ly hôn, nuôi con''* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXX-ST ngày 06/12/2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 11, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2017, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2012 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nợ nần nhiều mà chị không được biết từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, không còn tôn trọng nhau, cãi nhau đánh nhau nhiều lần, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2015, chị và anh T sống ly thân nhau cho đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại bản tự khai ngày 20/10/2017 và biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày thống nhất với chị N về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2015 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý và cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương giải quyết ly hôn cho anh và chị N.

Về con chung: Chị N và anh T thống nhất trình bày anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 09/10/2012 và cháu Nguyễn Thị Thanh H sinh ngày 17/01/2016.

Tại bản tự khai ngày 20/10/2017 chị N có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và cháu H và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu 1.500.000đ một tháng. Hai cháu bằng 3.000.000đ một tháng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Nhưng tại biên bản hòa giải ngày 09/11/2017 chị N có nguyện vọng xin được nuôi hai con và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P, anh T cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị N và anh T đều đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Văn T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 20/02/2012 được UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị N và anh T đã có cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay đã 03 năm anh chị sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm qua lại với nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn, nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Thanh H. Chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con. Anh T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Nam P. Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh

T đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Để đảm bảo cho các cháu được nuôi dưỡng tốt, để các cháu phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, cháu H còn nhỏ nên cần giao cháu H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu P cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị N và anh T đều không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 09/10/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị N , anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2013/04991 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- UBND xã Q;
- Chi cục Thi hành án Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trịnh Thị Hà